

Bản án số: 129/2024/DS-PT

Ngày 12/7/2024

V/v "Tranh chấp liên quan đến yêu  
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô  
hiệu và Tranh chấp về thừa kế tài sản".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Mai Vương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/DSPT ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và Tranh chấp về thừa kế tài sản" .

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 133/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 146/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 169/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 197/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Ông Phan Cảnh C – Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1964 - Địa chỉ: 1 T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Lê V - Luật sư của Công ty L1 - Địa chỉ: C K, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

\* *Bị đơn*: Ông Lê Quốc M - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Ông Lê Quốc H - Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1964 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng T - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: A T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2024 của Văn phòng C4). (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Lê Hữu P - Luật sư Văn phòng L2 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. (Có mặt).

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Bà Lê Thị N - Sinh năm 1939 - Địa chỉ: 1 T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: Ông Phan Cảnh C - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: 1 T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2024 của Văn phòng C4). (Có mặt).

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị T1 - Sinh năm 1936 - Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Phan Thị T2 - Sinh năm 1942 - Địa chỉ: K T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

3. Bà Phan Thị D - Sinh năm 1946 - Địa chỉ: B P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Phan Cảnh D1 - Sinh năm 1952 - Địa chỉ: A T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

5. Ông Phan Cảnh T3 - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: Số B thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

6. Ông Lê Quốc T4 - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

7. Ông Lê Quốc T5 - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

8. Ông Lê Quốc C1 - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

9. Ông Lê Hoàng P1 - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Tuyết V1 - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

11. Bà Ngô Thị H1 - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: A C, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

12. Phòng C5 thành phố Đà Nẵng - Trụ sở: A P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

13. Ông Nguyễn Khánh L - Công chứng viên Văn phòng C6 - Địa chỉ: I Hải Phòng, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

14. Ủy ban nhân dân thành phố Đ - Trụ sở: B T, phường T, quận H thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị H2 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ tại quận H, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

15. UBND phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng - Trụ sở: 181 H, quận H thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

16. UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng - Trụ sở: 32 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

17/ UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng - Trụ sở: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

*\* Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn T6 - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: K C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Ông Trương Văn Â - Sinh năm 1956 - Địa chỉ: A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

3. Ông Phạm Hữu D2 - Sinh năm 1963 - Địa chỉ: A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4. Bà Hồ Thị T7 - Sinh năm 1952 - Địa chỉ: phòng C, nhà C, chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phan Cảnh C, là Nguyên đơn và bà Lê Thị N, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:**

*\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phan Cảnh C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Phan K (sinh năm 1912, chết năm 1984) và bà Lê Thị T8 (sinh năm 1917, chết năm 2001) là ông bà nội của ông Phan Cảnh C.*

Ông Phan K và bà Lê Thị T8 có 07 người con, bao gồm:

1. Bà Phan Thị T1 (sinh năm 1963, còn sống).  
2. Ông Phan Cảnh C2 (sinh năm 1939, chết năm 1967). Ông C2 có 02 người con là Phan Cảnh C và Phan Thị T9 (sinh năm 1966, chết năm 1992, không có chồng con) nên ông C là thừa kế thế vị duy nhất.

3. Bà Phan Thị H3 sinh năm 1940, chết năm 1997. Bà H3 và ông Lê P2 có 06 người con là: Lê Quốc H, Lê Quốc T4, Lê Quốc T5, Lê Quốc M, Lê Quốc C1 và Lê Hoàng P1. Tất cả còn sống.

4. Bà Phan Thị T2 (sinh năm 1942, còn sống).
5. Bà Phan Thị D (sinh năm 1946, còn sống).
6. Ông Phan Cảnh D1 (sinh năm 1952, còn sống).
7. Ông Phan Cảnh T3 (sinh năm 1955, còn sống).

Ông Phan K và bà Lê Thị T8 tạo lập được một thửa đất và ngôi nhà tọa lạc tại địa chỉ E Yên Bái nối dài, nay là số A đường C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Năm 1984, ông Phan K chết không để lại di chúc. Năm 1988, bà Lê Thị T8 làm thủ tục kê khai nhà, đất ngày 14/9/1988 được Sở xây dựng tỉnh Q – Đà Nẵng công nhận quyền nghiệp chủ nhà đất tại số E Yên Bái nối dài, nay là số A đường C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (Nghiệp chủ số 381/TLNC đứng tên ông Phan K (chết) và bà Lê Thị T8, diện tích 49,5m<sup>2</sup>).

Ngày 15/5/2000, bà Lê Thị T8 lập hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà, đất nói trên cho con rể là ông Lê P2 theo hợp đồng dịch chuyển số 635/HVIC được công chứng tại Phòng công chứng số A thành phố Đà Nẵng.

Năm 2000 đến năm 2001 ông Lê P2 làm thủ tục kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ kê khai thì tổ kiểm tra xử lý tồn đọng đề nghị bổ sung thủ tục thừa kế đối với một phần nhà, nên ông Lê P2 đã cùng với ông Phan Cảnh D1, Phan Cảnh T3 và bà Phan Thị T2 (là 03 trong số 07 người con của ông Phan K, bà Lê Thị T8) lập “Tờ khai di sản thừa kế” và “Tờ thỏa thuận” có xác nhận của UBND phường B và phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế bổ sung thủ tục.

Sau khi bổ sung thủ tục thừa kế nói trên, ngày 15/6/2001 UBND thành phố Đ đã có quyết định số 5843 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Lê P2 đối với nhà và đất tại số A đường C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, diện tích 63,20m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 55,4m<sup>2</sup>.

Ngày 30/01/2002 Chủ tịch UBND thành phố Đ có quyết định số 563/QĐ-UB thu hồi 32,20m<sup>2</sup> của ông Lê P2 (trong số đất ông nhận tặng cho từ bà Phan Thị T10) để cải tạo, nâng cấp đường C. Giá trị đền bù khi nhà nước thu hồi 39.786.534 đồng.

Ngày 23/10/2002, ông Lê P2 lập Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1293 tại Phòng C5 tặng cho Lê Quốc H 13,5m<sup>2</sup> và Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1292 tặng cho ông Lê Quốc M 17,5m<sup>2</sup> còn lại.

Ông Phan Cảnh C, cho rằng cha ông là ông Phan Cảnh C2 là 01 trong 07 người con của ông Phan K và bà Lê Thị T8, ông C2 chết trước thời điểm mở thừa kế. Bà T8 tuổi cao sức yếu, bị bệnh không còn minh mẫn nhưng lại thực hiện công chứng tặng cho toàn bộ nhà đất tại địa chỉ trên cho ông Lê P2 (là con rể của bà T8, vợ ông P2 là con gái đã mất trước đó) bằng Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635/HVIC chứng nhận ngày 15/5/2000 với diện tích đất là 49,5m<sup>2</sup> là không đúng, tại thời điểm công chứng đã có sai phạm vì ông K đã chết trước bà T8 và những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Phan Thị D, bà Phan Thị T1 và ông Phan Cảnh C (là hàng thừa kế thế vị của ông Phan Cảnh C2) không biết việc này.

Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố Tờ thỏa thuận của ông Phan Cảnh D1, ông Phan Cảnh T3 và bà Phan Thị T2 có xác nhận của UBND phường B và phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng ngày 13/4/2000 là vô hiệu.

Tuyên bố Tờ khai di sản thừa kế của ông Phan Cảnh D1, ông Phan Cảnh T3, bà Phan Thị T2 và bà Phan Thị H3 (chết) có xác nhận của UBND phường B và phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng ngày 13/4/2000 là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho tài sản được lập giữa bà Lê Thị T8 và ông Lê P2 tại phòng C5 thành phố Đà Nẵng là vô hiệu.

Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1293 tại Phòng C5 ngày 23/10/2002 giữa bên tặng cho là ông Lê P2, bên nhận tặng cho là ông Lê Quốc H là vô hiệu;

Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1292 tại Phòng C5 ngày 23/10/2002 giữa bên tặng cho là ông Lê P2, bên nhận tặng cho là ông Lê Quốc M là vô hiệu;

Công nhận nhà và đất tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng đã được cấp cho ông Phan K (chết) và bà Lê Thị T8 là di sản thừa kế diện tích 63,20m<sup>2</sup> và đề nghị chia di sản thừa kế thành 07 suất tương ứng với 07 người ở hàng thừa kế thứ nhất trong đó có ông Phan Cảnh C. Di sản thừa kế hiện nay bao gồm:

- Phần diện tích còn lại sau khi thu hồi là 31,00 m<sup>2</sup>, ông Lê P2 đã tặng cho ông Lê Quốc M và ông Lê Quốc H quản lý (Sau khi đã được ông Lê Phò t cho và hợp thừa như nội dung văn bản của UBND thành phố Đ đã viện dẫn trong thông báo số 378/UBND-STNMT).

- Phần giá trị bồi thường theo Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 30/01/2002, phần này ông C xác định phần giá trị bồi thường theo Bảng tính giá trị đền bù là 39.786.534 đồng và bố trí lô đất tái định cư tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số D17 tại khu dân cư B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 325397 do Sở TNMT cấp ngày 26/11/2014 ông Lê P2 đã tặng cho ông Lê Quốc H.

Ông C thống nhất với kết quả thẩm định giá, đề nghị xác định giá đã thẩm định làm căn cứ chia di sản và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản.

*\* Bị đơn ông Lê Quốc H, Lê Quốc M và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quốc H và Lê Quốc M trình bày:*

Năm 1968 do chiến tranh nên gia đình ông Phan K và bà T8 di cư từ Huế vào Đà Nẵng, lúc này ông Lê P2 và bà Lê Thị H4 đã lấn chiếm đường mương nước ở đường Y làm nên căn nhà tạm trên mảnh đất tại E Yên Bái nối dài cũ (nay là 14 C, thành phố Đà Nẵng) bằng vật liệu giấy bìa thùng putong áo mưa baso (của N1), cọc sắt chiến lược, trục gỗ thông và thùng phi. Sau đó gia đình ông Phan K và bà T8 cùng các con trong đó có gia đình bà N ngụ tại mảnh đất này. Sau năm 1975, gia đình bà N về ở tại kiệt Trung Nữ V2 (hiện nay là K160/4 Trung Nữ Vương, H, Đà Nẵng); gia đình ông K bà T8 tiếp tục ở tại căn nhà nói trên sinh sống, cải tạo, khai hoang, rồi dựng nên 01 căn nhà vách ván, nền đất... với diện tích 49,50m<sup>2</sup>, sau đó giao lại cho vợ chồng ông Lê P2 sử dụng, vì gia đình ông K đã có căn nhà tại kiệt 2 Trung Nữ Vương (hiện nay là K34/11 Trung Nữ Vương ). Năm 1984, ông Phan K qua đời.

Năm 1988, bà Lê Thị T8 làm thủ tục kê khai nhà, đất ngày 14/9/1988 được Sở xây dựng tỉnh Q – Đà Nẵng công nhận quyền nghiệp chủ nhà đất tại số E Yên Bái nối dài, nay là số A đường C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng nhà trệt, mái tôn, vách ván, nền đất theo Nghiệp chủ số 381/TLNC đứng tên ông Phan K (chết) và bà Lê Thị T8, diện tích 49,5m<sup>2</sup>.

Ngày 16/12/1988, bà H4 và ông Lê P2 có đơn xin sửa chữa nhà và B Xây dựng cơ bản và Đô thị Đ1 có văn bản trả lời số 150/SCN-XDCB ngày 14/01/1989, bà H4 và ông P2 xây dựng lại nhà tường xây, mái ngói, tôn, sàn gỗ, xi măng, 01 tầng, gác gỗ.

Gia đình ông Lê P2 và bà Phan Thị H3 (là con gái ruột của ông K, bà T8) và 06 người con là Lê Quốc H, Lê Quốc T4, Lê Quốc T5, Lê Quốc M, Lê Quốc C1 và Lê Hoàng P1 sinh sống thường xuyên và ổn định tại nhà đất trên. Sau khi ông K mất đi, bà T8 lớn tuổi thì vợ chồng ông P2 và những người con là những người trực tiếp sinh sống sửa chữa tôn tạo căn nhà khi nắng mưa, bão lũ, khơi thông cống rãnh xung quanh, cải tạo các mảnh đất nhỏ quanh nhà để vệ sinh môi trường nhằm ổn định cuộc sống của gia đình. Năm 1997, bà Phan Thị H3 chết không để lại di chúc.

Đến năm 2000, bà T8 với sự đồng ý của một số người con ruột ghi nhận nghĩa tình, sự hiếu thảo và công sức đóng góp hình thành nên căn nhà mà bà và gia đình ông Lê P2 hiện đang sinh sống (phần lớn diện tích nhỏ này là do ông Lê P2 lấn chiếm dọc theo mương nước của đường Y nối dài nên bà đã thực hiện việc chuyển dịch quyền sở hữu nhà ở mà bà đã được nhà nước cấp cho ông Lê P2 trực tiếp sở hữu và sinh sống cùng

các con của ông theo văn bản công chứng số 635 HVIC tại Phòng C5 thành phố Đà Nẵng do công chứng viên Nguyễn Khánh L chứng nhận ngày 15/5/2000. Các người con của bà T8 ông K là ông Phan Cảnh D1, Phan Cảnh T3 và bà Phan Thị T2 đã lập tờ khai di sản thừa kế và tờ thỏa thuận để lại nhà và đất này cho ông Lê Phò .

Thực hiện chủ trương của nhà nước ông Lê P2 thực hiện kê khai, nộp đầy đủ các giấy tờ theo quy định, được cơ quan chức năng đo đạc thực tế, được các chủ đất liền kề không tranh chấp nên ngày 15/6/2001 U đã ra quyết định số 5843/QĐ-UB quyết định cấp GCN QSDĐ cho ông Lê P2 với diện tích đất thực tế lúc này là 63,20m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 55,4m<sup>2</sup>.

Đến ngày 30/1/2002 U đã ban hành QĐ 563/QĐ-UB về việc thu hồi 32,20m<sup>2</sup> đất do hộ ông Lê P2 sở hữu, quản lý để cải tạo đường C. UBND thành phố Đ xác định theo bảng tính giá đền bù số 25/HSGTĐB ngày 04/10/2001 do Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông công chính lập thì giá trị đền bù chi đền bù về nhà cửa, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ tổng giá trị là 39.786.534đ và không đền bù đối diện tích 32,2m<sup>2</sup>.

Sau khi giải tỏa còn lại 31m<sup>2</sup> đất với một gia đình gồm 6 người con trai đã có gia đình kèm cháu dâu rẻ sinh sống quá chật chội nên ông Lê P2 đã làm đơn xin thành phố mua 01 lô đất để con cháu có điều kiện sinh sống ổn định nhằm đảm bảo cho cuộc sống. Xét hoàn cảnh gia đình qua khó khăn và nhu cầu sử dụng đất là quá thiết thực nên UBND TP đã xét duyệt và yêu cầu Ban quản lý, UBND quận N bán cho ông Lê P2 01 lô đất với diện tích 60m<sup>2</sup> ở khu vực phường B, quận N với giá tiền là 750,000đ/m<sup>2</sup>. Do không đủ tiền để nộp nên ông Lê P2 đã xin trả dần và nợ để trả trong nhiều năm và đã được UBND TP đồng ý. Ông Lê P2 và các con đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nhà nước và đã được nhà nước cấp đất đối với thửa đất nói trên. Sau này ông Lê P2 cũng đã tặng cho thửa đất nói trên cho người con trai lớn là ông Lê Quốc H trực tiếp sở hữu cho đến nay. Còn với diện tích 31m<sup>2</sup> đất còn lại thì ông Lê P2 cũng đã tặng cho 02 người con là ông Lê Quốc H5 và ông Lê Quốc M theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1293 tại Phòng C5 tặng cho Lê Quốc H 13,5m<sup>2</sup> và Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 1292 tặng cho ông Lê Quốc M 17,5m<sup>2</sup> cùng ngày 23/10/2002. Ông M và ông H ngoài diện tích đất được tặng cho đã cải tạo thêm diện tích nhỏ đất trống quanh nhà, mua thêm đất của hộ lân cận, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế về đất đai nên đã được nhà nước công nhận và cấp giấy chứng



nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với nhà và đất trên. Ngày 17/7/2009, ông Lê Quốc M và bà Nguyễn Thị Tuyết V1 được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 058144 tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 11 với diện tích đất ở 71,60m, diện tích xây dựng: 71,6m<sup>2</sup>; diện tích sân: 159,4m, địa chỉ: A C, phường P, quận H. Ngày 27/7/2009, ông Lê Quốc H và bà Ngô Thị H1 được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AQ 058248 cho nhà đất thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 11 với diện tích đất ở 51,40m<sup>2</sup> tại địa chỉ A C, phường P, quận H.

Về di sản thừa kế như nguyên đơn khởi kiện là không đúng. Ông chi thừa nhận di sản là phần của ông Phan K trong khối tài sản chung với bà Lê Thị T8 (phần bà T8 đã tặng cho toàn bộ cho cha ông là ông Lê P2). Ông H, ông M chi đồng ý chia phần thừa kế theo di sản để lại đối với nhà đất tại đường C 49,5m<sup>2</sup> trong đó phần của ông K là  $(49,5\text{m}^2 - 32,2\text{m}^2) : 2 = 17,3\text{m}^2$ , còn đối với thửa đất tại phường M, quận N, TP . là do ông Lê P2 mua của Nhà nước không liên quan đến việc giải tỏa đền bù của đất C như nguyên đơn trình bày. Trường hợp phải bồi trả giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của bà Lê Thị t1 và ông Phan K thì ông H đồng ý sẽ có nghĩa vụ bồi trả những phần ông P2 đã tặng cho ông H và ông M đồng ý bồi trả lại những phần ông P2 đã tặng cho ông M. Đối với phần bồi thường thiệt hại do đền bù về nhà cửa, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ, trường hợp xác định đây là di sản thì ông H đồng ý sẽ có nghĩa vụ bồi trả lại cho các đồng thừa kế.

Ông H và ông M thống nhất với kết quả thẩm định giá, đề nghị xác định giá đã thẩm định làm căn cứ chia di sản và không yêu cầu thẩm định giá lại tài sản.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lê Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N trình bày:*

Năm 1966, bà N theo chồng (ông Phan Cảnh C2) trốn quân dịch từ Huế vào Đà Nẵng, bà N và ông C2 có 02 người con là Phan Cảnh C và Phan Thị T9 (sinh năm 1966, chết năm 1992, không có chồng con). Khi vào Đà Nẵng, vợ chồng bà đã khai hoang và xây dựng ngôi nhà tại thửa đất số 58 Y nôi dài, khối A, phường A, quận N, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng để sinh sống (việc khai hoang và sinh sống tại thửa đất này được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú số 0025 được lưu trữ tại Tàng thư công an thành phố Đ). Đến năm 1967 ông C2 chết, gia đình bà N vẫn sinh sống tại số

E Y nổi dài, khối A, phường A, quận N, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau giải phóng 1975, bà N đã tiếp tục tôn tạo, sửa chữa nhà để ở. Đến ngày 04/12/1976, để tiến hành thủ tục đăng ký cấp Sổ nghiệp chủ, bà N đã lập Giấy tự báo có sự xác nhận của hai nhân chứng và Trường ban nhân dân khối. Đến năm 1977, bà N đã tiến hành kê khai nhà cửa cho Tổng cục thống kê được lưu tại "Bản kê khai nhà cửa" (dùng cho chủ hộ sử dụng từng căn hộ ghi báo) ngày 12/12/1977 và Bản kê khai này được UBND phường P, Điều tra viên của Tổng cục thống kê thời điểm này xác nhận, đóng dấu.

Việc vợ chồng bà N là người đã khai hoang, sinh sống, sử dụng ổn định nhà đất tại E Y nổi dài còn được thể hiện qua quá trình nộp thuế Thổ trách hàng năm, căn cứ vào thông báo về việc trả lời đơn sao lục thuế thổ trách số 1289 TB-CCT của Chi cục thuế quận H ngày 23/03/2015 và thông báo về việc trả lời đơn sao lục thuế nhà đất số 8401/TB-CCT của Chi cục thuế quận H ngày 05/9/2017.

Cũng thời điểm này, do cha mẹ chồng bà N (ông Phan K và bà Lê Thị T8) sinh sống đơn chiếc tại ngôi nhà K (Số D cũ) đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng nên bà N đã đón cha mẹ ông C2 sang sinh sống cùng tại 58 Y nổi dài để dễ bề chăm sóc. Năm 1984, ông Phan K chết; năm 1986, do tình chất công việc và mâu thuẫn của gia đình nên bà N đã cùng các con đi nơi khác sinh sống và bàn giao quyền quản lý lại cho bà Lê Thị T8 trông coi ngôi nhà. Năm 1988, thực hiện chính sách cấp Sổ nghiệp chủ của nhà nước, bà T8 lúc này đang sinh sống trong ngôi nhà 58 Y nổi dài đã đứng ra kê khai và lập thủ tục làm Sổ nghiệp chủ cho ngôi nhà. Lúc đó do không liên lạc được và cách trở địa lý nên bà T8 đã không thông qua ý kiến của bà N khi cấp sổ nghiệp chủ, bà N không biết sự việc này. Đến ngày 14/09/1988, Sở X - Đà Nẵng công nhận quyền nghiệp chủ ngôi nhà tại số E Yên Bái nổi dài cho ông Phan K (đã chết) và bà Lê Thị T8 theo Sổ trích lục nghiệp chủ nhà số 381/TLNC.

Năm 2001, bà Lê Thị T8 bệnh nặng và chết, lúc đó bà N mới phát hiện nhà đất trên đã được Nhà nước cấp Sổ nghiệp chủ cho bà Lê Thị T8, sau đó bà Lê Thị T8 tặng cho ông Lê P2 vào năm 2000. Trong khi đó tại thời điểm tặng cho (năm 2000) bà Lê Thị T8 đang bị bệnh rất nặng, không còn làm chủ được hành vi nên bà đã yêu cầu được cải chính thông tin. Tuy nhiên, do bà T8 đã có công sức giữ gìn, quản lý nhà cửa nên bà N không yêu cầu cải chính hồ sơ và Sổ nghiệp chủ đã cấp cho bà Lê Thị T8 mà chỉ yêu cầu giải quyết hủy việc tặng nhà đất cho ông Lê P2 không đúng quy định. Hơn 20 năm nay

tôi đã liên tục yêu cầu đòi quyền thừa kế cho con tôi nhưng do không hiểu biết pháp luật, lại có thời điểm vụ việc hết thời hiệu thừa kế (10 năm) nên sự việc kéo dài đến nay chưa được giải quyết,

Sự việc nêu trên là câu chuyện lịch sử khách quan, có thật, được nhiều hộ dân sinh sống gần số nhà E Yên Bái thời điểm đó chứng kiến và làm chứng. Ông Lê P2 vào Đà Nẵng năm 1968 sống cùng vợ con tại Khu tiếp vận (nay là Quận H) chứ ông Lê P2 không sinh sống hay có mối liên quan gì đến nhà đất tại E Yên Bái nói dài.

Sau giải phóng 1975, ông Lê P2 sống cùng gia đình tại Huế; đến năm 1977 ông Lê P2 trốn vào Đà Nẵng, đã xin bà N cho gia đình ông ở nhờ tại nhà số E Y nói dài. Thời điểm đó do thương tình gia đình ông P2 đông con, lại không hề biết ông P2 tham gia hoạt động phản cách mạng nên tôi mới đồng ý cho gia đình ông Lê P2 ở nhờ một thời gian để ông kiếm nơi ở khác. Đến năm 1978, ông Lê P2 bị Công an tỉnh Q-Đà Nẵng bắt cải tạo 20 năm. Đến năm 1988 ông Lê P2 mới được ân xá và cho về với gia đình. Thời điểm ông P3 bị bắt, do các con của ông còn nhỏ nên bà N mới thương tình, tiếp tục cho gia đình ông ở nhờ. Lời trình bày của bị đơn về quá trình sinh sống và đóng góp của ông Lê P2 đối với nhà đất tại E Yên Bái nói dài là hoàn toàn không đúng và không phù hợp với thực tế khách quan của sự việc. Bà N yêu cầu tính công sức đóng góp, tạo lập, tôn tạo tài sản tại nhà đất 58 Yên Bái nói dài (nay là số A đường C) tương ứng với một suất chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Phan K và bà Lê Thị T8 trị giá là 1.000.000.000 đồng.

*\* Tại các văn bản trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T2, ông Phan Cảnh D1, ông Phan Cảnh T3 trình bày cùng nội dung:*

Trước đây cha mẹ ruột của các ông bà là ông Phan K và bà Lê Thị T8 có tạo lập được thừa đất và ngôi nhà tại 58 Yên Bái nói dài nay là A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Năm 1984 ông K chết, năm 1988 bà Lê Thị T8 làm thủ tục kê khai yêu cầu cấp sổ nghiệp chủ. Ngày 14/9/1988, Sở X công nhận thừa đất và ngôi nhà cho ông Phan K (chết) và bà Lê Thị T8 bằng trích lục nghiệp chủ số 381/TLNC do Sở X cấp ngày 28/9/1988. Năm 2000 bà Lê Thị T8 tặng cho toàn bộ nhà và đất trên cho vợ chồng bà Phan Thị H3 và ông Lê Phò . Tại thời điểm bà T8 tặng cho tài sản này thì ông Phan Cảnh D1, bà Phan Thị T2 và ông Phan Cảnh T3 cũng chấp thuận đồng ý tặng cho phần thừa kế của mình cho ông Lê P2 và bà Phan Thị H3, việc tặng cho đã được lập thành văn bản và

được chính quyền lúc bấy giờ chứng thực, tại thời điểm bà Lê Thị T8 tặng cho tài sản cho ông Lê P2 thì tinh thần của bà T8 rất minh mẫn và sáng suốt. Đây cũng là nguyện vọng, sự định đoạt của các ông, bà đối với phần di sản của ông Phan K để lại. Các ông bà đồng ý và không có ý kiến gì đối với thỏa thuận phân chia thừa kế về việc bà Lê Thị T8 tặng cho tài sản cho ông Lê P2 và phần của các ông bà đã cho ông Lê P2 nên không có ý kiến gì.

*\* Tại văn bản trình bày ngày 26/6/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị T1 trình bày:*

Trước đây cha mẹ bà là ông Phan K, bà Lê Thị T8 có tạo lập được thừa đất và ngôi nhà tại 58 Yên Bái nối dài nay là A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Năm 1984 ông K chết, năm 1988 bà Lê Thị T8 làm thủ tục kê khai yêu cầu cấp sổ nghiệp chủ. Ngày 14/9/1988, Sở X công nhận thừa đất và ngôi nhà cho ông Phan K (đã chết) và bà Lê Thị T8 bằng trích lục nghiệp chủ số 381/TLNC. Năm 2000 mẹ bà đã tặng cho toàn bộ nhà và đất trên cho vợ chồng ông Lê P2, bà Phan Thị H3. Tại thời điểm tặng cho thì tất cả anh chị em bà đều biết và đồng ý, không ai có ý kiến gì. Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2022, bà T1 khẳng định phần di sản bà được hưởng bà đã tặng cho ông Lê P2 nên bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 có thay đổi lời khai, bà T1 xác định vì bà đã già yếu và bị điếc nên không nghe rõ những câu hỏi của Thẩm phán, do đó bà đã đưa ra những lời khai không đúng với ý chí của mình, đồng thời bà cũng không biết đọc, biết viết nên không thể đọc lại lời trình bày của mình. Đề nghị Tòa án không ghi nhận những lời khai vào ngày 29/6/2022. Đồng thời, lời trình bày ngày 26.6.2020 cũng chưa chính xác nên tới cũng xin định chính lại như sau: ngày 13/4/2000, ông Phan Canh D3, Phan Cảnh T3 và bà Phan Thị T2 tiến hành làm "Tờ thỏa thuận"; cùng ngày thì các ông bà cùng bà Phan Thị H3 tiếp tục thực hiện tờ khai di sản thừa kế cả 02 văn bản này đều có xác nhận của UBND phường, theo đó thì ông Lê P2 và ba Phan Thị H3 được hưởng toàn bộ di sản mà cha mẹ tôi để lại. Tuy nhiên, tôi là hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan K và ba Lê Thị T11 nhưng không được biết và không ký vào bất cứ văn bản nào; ngoài ra, tại thời điểm thực hiện các văn bản nêu trên thì bà T11 đang bị đau ốm nặng, không biết đọc, biết viết và mất khả năng nhận thức. Bà T1 xác định lại ý chí và nguyện vọng như sau: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C và đề nghị Tòa án chia toàn bộ di sản thừa kế là nhà đất tại số A C, quận H,

thành phố Đà Nẵng của ông Phan K và bà Lê Thị T11 đã cấp cho ông Lê P2 ngày 15.6.2001 có diện tích 63,2 m<sup>2</sup> theo quy định pháp luật (Bao gồm cả phần đất được được bên bà sau giải tỏa và phần nhà đất mà hiện nay ông H và ông M đang sử dụng tại A C, quận H, thành phố Đà Nẵng). Bà yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế mà cha mẹ bà để lại và đồng ý nhận tiền chênh lệch theo giá đất thị trường tại thời điểm hiện nay.

*\* Tại văn bản trình bày ngày 18/5/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D trình bày:*

Về nguồn gốc nhà đất tại E Yên Bái nói dài, về hàng thừa kế bà thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông Phan Cảnh C. Nay ông C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà thống nhất và không có ý kiến gì. Đối với phần di sản mà bà được hưởng bà đồng ý tặng cho toàn bộ cho ông Phan Cảnh C để ông C có trách nhiệm lo hương khói, thờ cúng ông bà. Quá trình giải quyết vụ án bà D ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu N2 làm người đại diện, tại phiên tòa ông N2 giữ nguyên ý kiến của bà D đề nghị giao phần di sản bà được hưởng cho ông Phan Cảnh C.

*\* Tại văn bản số 35/CC1 ngày 18/02/2020 Văn phòng C7 thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Sau khi xem xét hồ sơ lưu trữ, Phòng C5 thành phố Đà Nẵng nhận thấy Công chứng viên của Phòng đã thực hiện việc chứng nhận hợp đồng, giao dịch đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định, theo yêu cầu và theo các giấy tờ xuất trình của các bên tham gia giao dịch. Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối và có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Do vậy, Phòng C5 đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*\* Tại đơn trình bày ngày 15/4/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Khánh L trình bày:*

Ông nguyên là Công chứng viên Phòng C5 thành phố Đà Nẵng. Ngày 15/5/2000 trên cơ sở giấy tờ pháp lý do các bên cung cấp ông đã thụ lý và chứng nhận Hợp đồng chuyển dịch nhà ở tại E Yên Bái nói dài (Trích lục nghiệp chủ số 381/TLNC do Sở X cấp ngày 28/9/1988 chỉ công nhận quyền sở hữu nhà, không công nhận quyền sử dụng đất) giữa bên cho là bà Lê Thị T11 (được sự thỏa thuận của đồng thừa kế) và bên nhận là ông

Lê Phò . Việc chứng nhận hợp đồng chuyển dịch nhà ở này là đúng quy định pháp luật. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến hợp đồng nói trên hiện đang lưu giữ tại Phòng công chứng số A thành phố Đà Nẵng. Việc các bên lập tờ khai thừa kế, tờ thỏa thuận có xác nhận của UBND phường không đầy đủ các đồng thừa kế thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*\* Tại văn bản số 378/UBND-STNMT ngày 19/01/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố Đ trình bày:*

Trích lục nghiệp chủ số 381/TLNC được sở X cấp ngày 28/9/1988 cho ông Phan K (chết) và bà Phan Thị T10 tại địa chỉ E Y (nổi dài), phường P có diện tích 49,5m<sup>2</sup>. Sau đó ông Lê P2 được nhận toàn bộ ngôi nhà của ông Phan K và bà Lê Thị T11 theo hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635/HV1C lập tại phòng C5 ngày 15/5/2000, sang tên chính lý biến động ngày 07/3/2001 tại Sở địa chính – Nhà đất thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở hợp đồng chuyển dịch này ngày 15/6/2001 ông P2 được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401091579, hồ sơ gốc số 34883, với diện tích đất 63,20m<sup>2</sup>. Tại văn bản số 1146/UBND-STNMT ngày 03/3/2022, UBND thành phố Đ cung cấp thông tin về sự biến động tăng lên từ 49.50m<sup>2</sup> so với 63,20m<sup>2</sup> là do tại thời điểm cấp trích lục nghiệp chủ chỉ thể hiện phần diện tích xây dựng, không bao gồm diện tích đất. Do đó việc tăng 13,7m<sup>2</sup> là chênh lệch giữa diện tích nhà và diện tích đất đo đạc trên thực tế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30/01/2002 UBND thành phố Đ có quyết định số 563/QĐ-UB về việc thu hồi đất để nâng cấp, cải tạo đường C, theo đó thu hồi 32,20m<sup>2</sup> do hộ ông Lê P2 đang quản lý để giao cho Sở Giao thông Công chính thành phố sử dụng để nâng cấp, cải tạo đường C. Thực hiện việc đền bù thiệt hại cho chủ sử dụng đất theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Phần diện tích đất còn lại 31,00m<sup>2</sup>. Về giá trị đối với phần diện tích đất bị thu hồi 32,20m<sup>2</sup>, UBND thành phố Đ xác định theo bảng tính giá đền bù số 25/HSGTĐB ngày 04/10/2001 do Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông công chính lập thì giá trị đền bù chỉ đền bù về nhà cửa, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ tổng giá trị là 39.786.534đ và không đền bù đối diện tích 32,2m<sup>2</sup> (Theo Nghị quyết số 03/1998/NQ-HĐ ngày 02/7/1998 của Hội đồng nhân dân thành phố Đ).

Đối với phần đất tái định cư, ngày 27/12/2001 UBND thành phố Đ có công văn số 2305/VP-NC về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố về giải

quyết đơn của Công dân, theo đó UBND thành phố đồng ý giải quyết cho hộ ông Lê Phò t2 tại A C, thành phố Đà Nẵng 01 lô đất tại khu dân cư B, phường M. Ngày 21/5/2014 ông Lê P2 được Sở T13 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23/10/2002, ông Lê P2 đã lập hợp đồng tặng cho ông Lê Quốc H 17,50m<sup>2</sup> và ông Lê Quốc M 13,50m<sup>2</sup> và đã được Sở Địa chính - Nhà đất sang tên chính lý biến động ngày 14/11/2002.

Ông Lê Quốc M và bà Nguyễn Thị Tuyết V1 được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401091579, hồ sơ gốc số 68050 ngày 01/7/2003 tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 11, địa chỉ 14 Cô G, với diện tích đất ở 21,20m (tăng thêm 3,70m<sup>2</sup> so với hồ sơ gốc và đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định). Ngày 29/6/2009, ông Lê Quốc M và bà Nguyễn Thị Tuyết V1 nhận chuyển nhượng toàn bộ nhà, đất của ông Huỳnh T12 và bà Trần Thị P4 theo Hợp đồng Công chứng số 2529 tại Văn phòng C8 cho nhà đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 11, địa chỉ K H, phường P, với diện tích đất ở 50,40 m<sup>2</sup> đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 615465 ngày 25/6/2009. Sau đó, ông Lê Quốc M và bà Nguyễn Thị Tuyết V1 có đơn đề nghị hợp thửa đất và cấp đổi lại Giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất số 180 và 211, tờ bản đồ số 11 của Giấy chứng nhận số 3401091579 và Giấy chứng nhận số AP 615465. Ngày 17/7/2009, ông Lê Quốc M và bà Nguyễn Thị Tuyết V1 được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 058144 tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 11 với diện tích đất ở 71,60m, diện tích xây dựng: 71,6m<sup>2</sup>; diện tích sân: 159,4m, địa chỉ: A C, phường P, quận H.

Trên cơ sở hợp đồng tặng cho mà ông Lê P2 và bà Phan Thị H3 (c) tặng cho ông Lê Quốc H với diện tích nhà, đất 13,50m<sup>2</sup> đã được Sở Địa chính - Nhà đất sang tên tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 340109157 và nhận thừa kế toàn bộ nhà, đất của bà Phan Thị H3 (c) để lại theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 104 HV3.4/10.6.2002 do Phòng C5 Đà Nẵng xác lập và được Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng sang tên ngày 29/11/2002 tại Trích lục số nghiệp chủ số 185/TLNC do Sở Địa chính Nhà đất và C9 cấp ngày 10/01/1986. Ngày 27/7/2009, ông Lê Quốc H và bà Ngô Thị H1 được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng



đất số AQ 058248 cho nhà đất thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 11 với diện tích đất ở 51,40m<sup>2</sup> tại địa chỉ A C, phường P, quận H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C, UBND thành phố nhận thấy ông Lê P2 được nhận toàn bộ ngôi nhà của ông Phan K (c) và bà Lê Thị T11 theo Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635 HVIC lập tại Phòng C5 ngày 15/5/2000. Sang tên chính lý biến động ngày 07/3/2001 tại Sở Địa chính - Nhà đất thành phố Đà Nẵng (có sự thỏa thuận của các đồng thừa kế được ghi tại Trích lục số nghiệp chủ số 381/TLNC) được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401091579 cho ông Lê P2 và sau này, ông Lê Phổ 1 hợp đồng cho, tặng một phần diện tích nhà, đất cho ông Lê Quốc M và ông Lê Quốc H theo Hợp đồng số 1292 và 1293 lập tại phòng C5 ngày 23/10/2002 và được UBND quận H cấp chấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận. Đối với việc tranh chấp di sản thừa kế giữa nguyên đơn là ông Phan Cảnh C và bị đơn là ông Lê Quốc M và Ông Lê Quốc H5 là tranh chấp dân sự và việc phân chia di sản thừa kế được thực hiện theo quy định pháp luật.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân phường P trình bày:*

Theo danh sách Thống kê, đánh số nhà của UBND phường P lập ngày 24/6/2000: Ngôi nhà tại địa chỉ số A Y (nổi dài) nay đã được cấp biển số mới 14 C, đứng tên quản lý sử dụng nhà là ông Lê Phò . Còn địa chỉ số E đường Y nổi dài nay là 14 C của Tòa án đánh trong quyết định số 21 là không có trong danh sách thống kê, đánh số nhà của phường năm 2000. Theo Sổ Mục kê đất lưu tại UBND phường: Thửa đất số 442, tờ bản đồ số 11 đứng tên chủ sử dụng đất ông Lê P2 với diện tích 51,4 m<sup>2</sup>.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân phường H trình bày:*

UBND phường đã kiểm tra hồ sơ lưu trữ liên quan đến vụ án trên nhưng không có hồ sơ lưu trữ. Do đó, Ủy ban nhân dân phường K1 cung cấp tài liệu liên niêm yết theo yêu cầu của Tòa án nhân dân quận Hải Châu.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân phường B trình bày:*

Theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký năm 2000, UBND cấp xã có thẩm quyền ký xác nhận chữ ký trong tờ thỏa thuận và tờ khai di sản thừa kế. Những người khai nhận di sản phải cam kết và chịu trách nhiệm về việc không bỏ sót người thừa kế. Do vậy việc UBND phường ký chứng thực chữ ký những người thường trú tại địa



phương trong tờ khai thỏa thuận và tờ khai di sản thừa kế tại thời điểm năm 2000 là đúng quy định.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên qua là ông Lê Quốc T5, ông Lê Hoàng P1, bà Nguyễn Thị Tuyết V1 và bà Ngô Thị H1 trình bày: Ông bà xác nhận lời khai của ông H, ông M là đúng và các ông bà thống nhất với ý kiến của ông H và ông M.

*\* Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 271, 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 614, 649, 652, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 144 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 17 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 3, 4 Luật đất đai năm 1993; Điều 106 Luật Đất đai 2003; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C về việc chia di sản thừa kế của cụ ông Phan K.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C về việc chia di sản thừa kế của cụ bà Lê Thị T11.

Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố “Tờ thỏa thuận”, “Tờ khai di sản thừa kế” được lập vào năm 2000; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635HVIC ngày 15/5/2000 của bà Lê Thị T11 tặng cho ông Lê P2; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số A, 1293 tại Phòng C5 giữa ông Lê Phò t cho ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc M nhà đất ở A C, quận H, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị N về việc các hàng thừa kế phải bồi trả công sức đóng góp của bà N tương ứng với 01 phần đồng thừa kế được hưởng.

Xử:

1. Giao cho ông Lê Quốc M được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là 17,5m<sup>2</sup> tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao cho ông Lê Quốc H được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là 13,5m<sup>2</sup> tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Buộc ông Lê Quốc M có nghĩa vụ bồi trả lại giá trị di sản cho ông Phan Cảnh C là 272.849.806 đồng và bồi trả cho bà Phan Thị T1 là 136.424.903 đồng.

4 Buộc ông Lê Quốc H có nghĩa vụ thối trả lại giá trị di sản cho ông Phan Cảnh C là 216.515.160 đồng và thối trả cho bà Phan Thị T1 là 108.257.580 đồng.

Tổng giá trị phân di sản thừa kế ông Phan C3 Chuyên được hưởng là 489.364.966 đồng và bà Phan Thị T1 được hưởng là 244.682.483 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*đối với phần nghĩa vụ trả tiền*) mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Cảnh C phải chịu 23.574.598 đồng và án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Cảnh C là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Cảnh C đã nộp 5.300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008818 ngày 05/02/2021 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005366 ngày 05/04/2021 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu. Ông Phan Cảnh C còn phải nộp 18.274.598 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Thị T1 phải chịu là 12.234.124 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Quốc H phải chịu là 25.651.516 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Quốc M phải chịu là 31.284.980 đồng.

Bà Lê Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về chi phí thẩm định giá tài sản là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng), ông Phan Cảnh C phải chịu là 20.750.000 đồng, ông Lê Quốc H phải chịu là 4.062.500 đồng, ông Lê Quốc M phải chịu là 5.312.500 đồng, bà Phan Thị T1 phải chịu là 1.875.000 đồng. Ông Phan Cảnh C đã nộp chi phí thẩm định giá tài sản nên ông Lê Quốc H, ông Lê Quốc M và bà Phan Thị T1 phải hoàn trả lại cho ông Phan Cảnh C.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, ông Phan Cảnh C phải chịu là 1.000.000 đồng, ông Lê Quốc H phải chịu là 1.000.000 đồng, ông Lê Quốc M phải chịu là 1.000.000 đồng. Ông Phan Cảnh C đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc M phải hoàn trả lại cho ông Phan Cảnh C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

\* Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn là ông Phan Cảnh C và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là và bà Lê Thị N có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; bà Lê Thị N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu được trích công sức của bà N.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan C3 Chuyển giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Phan K và cụ Lê Thị T11 và yêu cầu chia thừa kế của cụ K theo pháp luật.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N rút toàn bộ nội dung kháng cáo về việc yêu cầu trích trả công sức đóng góp cho bà N tương ứng với 01 phần đồng thừa kế được hưởng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan C3 Chuyển phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C và xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Phan K và cụ Lê Thị T11 và yêu cầu chia thừa kế của cụ K theo pháp luật.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Quốc H phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C.

\* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào Điều 289 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N;
- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bà Phan Thị T1, bà Phan Thị T2, bà Phan Thị D, ông Phan Cảnh D1, ông Phan Cảnh T3, ông Lê Quốc T4, ông Lê Quốc T5, ông Lê Quốc C1, ông Lê Hoàng P1, ông Nguyễn Khánh L, Phòng C5 thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân phường B, Ủy ban nhân dân phường P và Ủy ban nhân dân phường H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng các đương sự nêu trên vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị N xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của bà N là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự để Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N.

#### **\* Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan C3 Chuyển giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Phan K và cụ Lê Thị T11 và yêu cầu chia thừa kế của cụ K theo pháp luật. Xét kháng cáo của ông Phan Cảnh C thì thấy:

[3] Đối với yêu cầu xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Phan K và cụ Lê Thị T11:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông C trình bày thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là đất tái định

cư sau khi ông Lê P2 bị thu hồi một phần diện tích đất tại A C, thành phố Đà Nẵng còn ông H cho rằng thửa đất trên là do ông Lê P2 làm đơn xin được mua nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, Tòa án cũng đã thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ để thu thập Đơn xin mua đất của ông P2 nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, tại Văn bản số 7793/UBND-QLĐBGT ngày 27/11/2009 của UBND thành phố Đ; Văn bản số 206/TTr-BQL ngày 05/3/2014 của Ban quản lý các dự án tái định cư; Văn bản số 1335/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND quận N, thành phố Đà Nẵng và tại văn bản số 378/UBND-STNMT ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Đ gửi Tòa án có cùng nội dung: “xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là đất tái định cư”. Mặt khác, các căn cứ pháp luật áp dụng đối với thửa đất này là các văn bản đối với đất tái định cư (như sổ tiền trả trước, sổ tiền còn lại được quy ra vàng và trả trong thời hạn 05 năm và tiếp tục được gia hạn...) và được thực hiện tại Ban quản lý các dự án tái định cư; sau khi thu hồi đất tại A C, thành phố Đà Nẵng ông Lê P2 mới được bố trí đất tái định cư. Do vậy, HĐXX thấy lời trình bày của ông C là có căn cứ nên cần sửa nội dung này của bản án sơ thẩm và xác định thửa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là đất tái định cư do ông Lê P2 bị thu hồi đất tại tại A C, thành phố Đà Nẵng nên là di sản thừa kế của cụ ông Phan K và cụ bà Lê Thị T11.

[4] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan K theo pháp luật:

[4.1] Tại Điều 2 Hợp đồng trả tiền sử dụng đất số 48/HĐ-TTSDĐ ngày 17/5/2002 các bên thỏa thuận: “Ông Lê P2 trả trước 22.500.000 đồng trên tổng số tiền 45.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Lê P2 phải nộp 22.500.000 đồng được trả dần trong vòng 5 năm tương đương 39,97 chỉ vàng 98% nhà nước, giá vàng ngày ký hợp đồng là 563.000 đồng/chỉ”.

Như vậy, theo thỏa thuận trên thì số tiền trả trước là 22.500.000 đồng cũng tương đương 39,97 chỉ vàng 98%, nên toàn bộ số tiền ông Lê P2 phải nộp 45.000.000 đồng tương đương 79,94 chỉ vàng 98%.

Tại thời điểm xét xử (Ngày 12/7/2024), giá vàng 98% là 7.405.000 đồng/chỉ do vậy số tiền ông Lê P2 đã nộp để nhận quyền sử dụng đất là 79,94 chỉ x 7.405.000 đồng = 591.955.700 đồng.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 10/11/2021 của Công ty cổ phần T14 thì thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 4.159.990.200 đồng, sau khi trừ phần ông Lê P2 đã nộp có giá trị là: 4.159.990.200 đồng - 591.955.700 đồng = 3.568.034.500 đồng.

[4.2] Ông Lê P2 là người trực tiếp trả tiền và lo liệu các thủ tục để nhận thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng trong khi bà N và ông C sinh sống ở nơi khác. Do vậy, ông P2 có phần nhiều công sức trong việc nhận thừa đất tái định cư nên HĐXX trích công sức cho ông Lê P2 20% tương ứng số tiền là 713.606.900 đồng.

Như vậy, giá trị di sản của cụ K và cụ T11 là 3.568.034.500 đồng - 713.606.900 đồng = 2.854.427.600 đồng.

Di sản thừa kế của cụ K =  $\frac{1}{2}$  là 2.854.427.600 đồng : 2 = 1.427.213.800 đồng. Giá trị mỗi kỳ phần cho các đồng thừa kế là 1.427.213.800 đồng : 8 = 178.401.725 đồng; trong đó phần bà T11, bà T2, ông D1, ông T3 đã định đoạt cho ông P2, kỳ phần của bà D1 giao cho ông C. Do ông C có nguyện vọng chia bằng tiền nên HĐXX thấy cần giao thừa đất trên cho ông H sử dụng và có nghĩa vụ trích trả cho ông C số tiền 356.803.450 đồng và trích trả cho bà T1 số tiền 178.401.725 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C và Sửa Bản án sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng:

- Công nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất tại A C, thành phố Đà Nẵng và  $\frac{1}{2}$  giá trị thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ ông Phan K.

- Giao cho ông Lê Quốc M được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là 17,5m<sup>2</sup> tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; Giao cho ông Lê Quốc H được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là 13,5m<sup>2</sup> tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng và sử dụng thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích 60m<sup>2</sup> tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng do UBND quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Buộc ông Lê Quốc H có nghĩa vụ bồi trả lại giá trị di sản cho ông Phan C3 Chuyển số tiền là 573.318.610 đồng và bồi trả cho bà Phan Thị T1 số tiền là 286.659.305

đồng; Buộc ông Lê Quốc M có nghĩa vụ thời trả lại giá trị di sản cho ông Phan Cảnh C là 272.849.806 đồng và thời trả cho bà Phan Thị T1 số tiền là 136.424.903 đồng.

[5] Như đã nhận định ở trên thì HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N; Tuy nhiên, về đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp nên không chấp nhận.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí:

\* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố “Tờ thỏa thuận”, “Tờ khai di sản thừa kế” được lập vào năm 2000; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635HVIC ngày 15/5/2000 của bà Lê Thị T11 tặng cho ông Lê P2; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số A, 1293 tại Phòng C5 giữa ông Lê Phò t cho ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc M nhà đất ở A C, quận H, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu nên ông Phan Cảnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0005366 ngày 05/04/2021 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Phan Cảnh C được chia phần tài sản tương ứng số tiền 846.168.416 đồng (489.364.966 đồng + 356.803.450 đồng) nên ông Phan Cảnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $36.000.000 \text{ đồng} + (46.168.416 \times 3\%) = 37.385.052 \text{ đồng}$ , nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Cảnh C đã nộp 5.300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008818 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Phan Cảnh C còn phải nộp số tiền là 32.085.052 đồng.

- Bà Phan Thị T1 được chia phần tài sản tương ứng số tiền 423.084.208 đồng (244.682.483 đồng + 178.401.725 đồng) nên bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $20.000.000 \text{ đồng} + (23.084.200 \text{ đồng} \times 4\%) = 20.923.368 \text{ đồng}$ .

- Ông Lê Quốc H được chia phần tài sản tương ứng số tiền 1.433.296.529 đồng (528.854.611 đồng + 12.433.293 đồng + 892.008.625 đồng) nên ông Lê Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $36.000.000 \text{ đồng} + (633.296.529 \text{ đồng} \times 3\%) = 54.998.896 \text{ đồng}$ .

- Ông Lê Quốc M được chia phần tài sản tương ứng số tiền 682.124.516 đồng nên ông Lê Quốc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (282.124.516 đồng x 4%) = 31.284.980 đồng.

\* Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do chấp nhận kháng cáo nên ông Phan Cảnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001313 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 32.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng ông Phan Cảnh C phải chịu 21.750.000 đồng; ông Lê Quốc M phải chịu 6.312.500 đồng; ông Lê Quốc H phải chịu 5.062.500 đồng và bà Phan Thị T1 phải chịu là 1.875.000 đồng, nhưng ông Phan Cảnh C đã nộp tạm ứng số tiền 35.000.000 đồng và đã chi xong nên ông Lê Quốc M phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền 6.312.500 đồng; ông Lê Quốc H phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền 5.062.500 đồng và bà Phan Thị T1 phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền là 1.875.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và Điều khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 614, 649, 652, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 144 của Bộ luật dân sự năm 1995;
- Căn cứ các Điều 3, 4 Luật đất đai năm 1993; Điều 106 Luật Đất đai 2003;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chi xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N về việc yêu cầu trích trả công sức đóng góp cho bà N tương ứng với 01 phần đồng thừa kế được hưởng.



Chấp nhận kháng cáo của ông Phan Cảnh C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C về việc chia di sản thừa kế của cụ ông Phan K.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cảnh C về việc chia di sản thừa kế của cụ bà Lê Thị T11.

Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố “Tờ thỏa thuận”, “Tờ khai di sản thừa kế” được lập vào năm 2000; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635HVIC ngày 15/5/2000 của bà Lê Thị T11 tặng cho ông Lê P2; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số A, 1293 tại Phòng C5 giữa ông Lê Phò t cho ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc M nhà đất ở A C, quận H, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị N về việc các hàng thừa kế phải bồi trả công sức đóng góp của bà N tương ứng với 01 phần đồng thừa kế được hưởng.

1. Công nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất tại A C, thành phố Đà Nẵng và  $\frac{1}{2}$  giá trị thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích  $60m^2$  tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ ông Phan K.

2. Về giao hiện vật:

2.1. Giao cho ông Lê Quốc M được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là  $17,5m^2$  tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Giao cho ông Lê Quốc H được quyền sử dụng phần đất là di sản thừa kế của ông Phan K là  $13,5m^2$  tại A C, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng và sử dụng thừa đất số 195, tờ bản đồ D17, diện tích  $60m^2$  tại phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng do UBND quận N, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 325397 ngày 26/11/2014 đứng tên ông Lê Quốc H.

3. Về nghĩa vụ bồi trả:

3.1. Buộc ông Lê Quốc H có nghĩa vụ bồi trả lại giá trị di sản cho ông Phan C3 Chuyển số tiền là 573.318.610 đồng (216.515.160 đồng + 356.803.450 đồng) và bồi trả cho bà Phan Thị T1 số tiền là 286.659.305 đồng (108.257.580 đồng + 178.401.725 đồng).

3.2. Buộc ông Lê Quốc M có nghĩa vụ bồi trả lại giá trị di sản cho ông Phan Cảnh C là 272.849.806 đồng và bồi trả cho bà Phan Thị T1 số tiền là 136.424.903 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*đối với phần nghĩa vụ trả tiền*) mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

#### 4. Về án phí:

##### \* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Cảnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên bố “Tờ thỏa thuận”, “Tờ khai di sản thừa kế” được lập vào năm 2000; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số 635HVIC ngày 15/5/2000 của bà Lê Thị T11 tặng cho ông Lê P2; Hợp đồng chuyển dịch nhà ở số A, 1293 tại Phòng C5 giữa ông Lê Phò t cho ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc M nhà đất ở A C, quận H, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005366 ngày 05/04/2021 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Phan Cảnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan K là 37.385.052 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Cảnh C đã nộp 5.300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008818 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Phan Cảnh C còn phải nộp số tiền là 32.085.052 đồng.

- Bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan K là 20.923.368 đồng.

- Ông Lê Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan K là 54.998.896 đồng.

- Ông Lê Quốc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan K là 31.284.980 đồng.

##### \* Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan Cảnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001313 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

**5. Về chi phí tố tụng:**

Chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 32.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng ông Phan Cảnh C phải chịu 21.750.000 đồng; ông Lê Quốc M phải chịu 6.312.500 đồng; ông Lê Quốc H phải chịu 5.062.500 đồng và bà Phan Thị T1 phải chịu là 1.875.000 đồng, nhưng ông Phan Cảnh C đã nộp tạm ứng số tiền 35.000.000 đồng và đã chi xong nên ông Lê Quốc M phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền 6.312.500 đồng; ông Lê Quốc H phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền 5.062.500 đồng và bà Phan Thị T1 phải trả cho ông Phan C3 Chuyển số tiền là 1.875.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Dũng**

